

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 32/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Trần Thị Kiều H, sinh năm 1989

Địa chỉ: 110/1A đường N, khu phố X, phường B, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1984

Địa chỉ: 132/1 đường N, khu phố X, phường B, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03/3/2021, bà Trần Thị Kiều H và ông Nguyễn Thanh S thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kiều H và ông Nguyễn Thanh S thuận tình ly hôn (Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 171, quyển số Một, do Ủy ban nhân dân phường B, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/12/2007).

- Về con chung: Bà Trần Thị Kiều H và ông Nguyễn Thanh S có 02 (hai) người con chung chưa thành niên tên Nguyễn Trần Tấn Đ, sinh ngày 07/02/2009 và Nguyễn Trần Tấn T, sinh ngày 16/02/2016.

Hai bên thống nhất giao 02 người con chung tên Nguyễn Trần Tấn Đ và Nguyễn Trần Tấn T cho bà Trần Thị Kiều H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Nguyễn Thanh S không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.
- Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự 300.000 đồng, bà Trần Thị Kiều H và ông Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ nộp.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03/3/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kiều H và ông Nguyễn Thanh S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Trần Tấn Đ, sinh ngày 07/02/2009 và Nguyễn Trần Tấn T, sinh ngày 16/02/2016 cho bà Trần Thị Kiều H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Nguyễn Thanh S không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Kiều H và ông Nguyễn Thanh S xác nhận không có.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Kiều H và ông Nguyễn Thanh S xác nhận không có.

2. Về lệ phí: Bà Trần Thị Kiều H và ông Nguyễn Thanh S phải nộp lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0058629 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- UBND phường B, thành phố T,
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nông Thành Đức